TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **305**/2023/DS-ST
Ngày: 21/11/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Đức.

2. Ông Võ Văn Thống.

* Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 472/2023/QĐXXST-DS ngày 27/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2023/QĐST-DS ngày 10/11/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn N**, sinh năm xxxx; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh T.

* Bị đơn: **Trần Thị Kim A** (Trần Kim A), sinh năm: xxxx; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn trình bày: Năm 2018 ông N có bán thức ăn chăn nuôi cho bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A), hình thức bán gối đầu, mỗi lứa gà khi xuất bán thì bà A phải chi trả toàn bộ tiền thức ăn thì mới được tiếp tục mua thêm, tuy nhiên bà A trả được một phần tiền và còn nợ lại một phần tiền, do dịch covid làm ăn khó khăn nên ông N cũng uyển chuyển tiếp tục bán thức ăn cho bà A, sau nhiều lần mua bán đến

cuối năm 2019 do số tiền nợ nhiều quá nên ông N không bán thức ăn cho bà A nữa. Đến ngày 10/6/2020 ông N và bà A đã đối chiếu công nợ và cùng ký xác nhận vào bảng quyết toán với số tiền là 54.584.000 đồng, sau đó ngày 11/02/2021, bà A trả cho ông N 5.000.000 đồng và ngày 31/5/2022 bà A trả được 5.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay mặc dù ông N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà A trả tiền nhưng bà A chỉ hứa hẹn mà không trả tiền.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 44.584.000 đồng, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi.

* Bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên tòa và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà A đối với yêu cầu khởi kiện của ông N nên không có ý kiến trình bày.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, buộc bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền mua thức ăn còn nợ là 44.584.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A), sinh năm xxxx, ngụ tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền mua thức ăn còn nợ là 44.584.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật nên đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử vắng mặt bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A).

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) tự nguyện thỏa thuận mua bán thức ăn theo hình thức bán gối đầu, mỗi lứa gà khi xuất bán thì bà A phải chi trả toàn bộ tiền thức ăn thì mới được tiếp tục mua thêm, sau nhiều lần mua bán đến cuối năm 2019 do số tiền nợ nhiều quá nên ông N không bán thức ăn cho bà A nữa. Đến ngày 10/6/2020 ông N và bà A đã đối chiếu công nợ và cùng ký xác nhận vào bảng quyết toán với số tiền là 54.584.000 đồng. Quá trình thực hiện ngày 11/02/2021, bà A trả cho ông N số tiền 5.000.000 đồng và ngày 31/5/2022 bà A tiếp tục trả cho ông N số tiền 5.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay mặc dù ông N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà A trả tiền nhưng bà A chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Trong quá trình tố tụng bà A vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà A và bà A cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của bà A đối với yêu cầu khởi kiện của ông N. Tuy nhiên việc mua bán là do hai bên tự nguyện xác lập, đã đối chiếu công nợ và có kí xác nhận công nợ, sau đó bà A trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 44.584.000 đồng; Nay ông N khởi kiện yêu cầu bà A trả số tiền 44.584.000 đồng và Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông N cho bà A, có người thân thích của bà A ký nhận thay văn bản nên bà A thừa biết được yêu cầu khởi kiện của ông N nhưng bà A không phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, do đó việc mua bán giữa ông N với bà A trên cơ sở bảng quyết toán công nợ do ông N cung cấp cho Tòa án, ông N không cần phải chứng minh là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên yêu cầu khởi kiện của ông N buộc bà A trả số tiền 44.584.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3.2] Về lãi suất: Do ông Nguyễn Văn N không có yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được chấp nhận nên bà A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 430 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền mua thức ăn còn nợ là 44.584.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.242.700 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và bà Trần Thị Kim A (Trần Kim A) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh